

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 6 – 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Ông Lê Văn Dài.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Lê Thành Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị B, anh Lê Thành Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:**

Về hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Lê Thành Đ được mai mối, sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 18/7/1987 âm lịch, nhưng không có đăng ký kết hôn do anh Đ không chịu đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì chị B và anh Đ sống chung cũng có hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì anh

Đ có quen biết người khác, chị B phát hiện được, do anh Đ nói với chị B khi anh Đ và người đó cãi nhau. Từ năm 2018 đến nay thì anh Đ vẫn cứ qua lại với người đó; giữa chị B và anh Đ thường xuyên cự cãi với nhau; anh Đ có đánh chị B, chị B chỉ mua thuốc uống mà không có đi khám chữa bệnh. Từ ngày 19/02/2025 âm lịch, sau đám cưới con gái chị B thì chị B bỏ về nhà mẹ chị B tại ấp B, xã T sinh sống và sống ly thân với anh Đ đến nay. Nay chị B không còn tình cảm và không muốn hàn gắn với anh Đ.

Về con chung: Con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 28/12/1990, Lê Thành N, sinh ngày 01/9/1993 hiện nay đã thành niên đủ 18 tuổi, nên chị Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Thành Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Thành Đ và chị Lê Thị B tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do được mai mối, sau đó tự tìm hiểu được vài tháng thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào vào khoảng năm 1988 (anh Đ nhớ sau khi cưới khoảng 02 năm thì vợ chồng sinh chị Lê Thị Bích C vào năm 1990), không có đăng ký kết hôn theo quy định, do lo làm ăn nên không nhớ đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc. Từ khi chung sống với nhau thì anh Đ và chị B cũng có chửi nhau, nhưng sau đó bỏ qua. Đầu năm 2025, do chuyện lật vật gia đình nên anh Đ và chị B có chửi qua chửi lại; ngoài ra, đầu năm 2025 thì chị B ghen tuông vô cớ, cho rằng anh Đ có vợ bé nhưng thực tế thì anh Đ không có, nên anh Đ có đánh chị B. Khoảng đầu tháng 4/2025 thì chị B tự ý bỏ đi nơi khác, nhưng anh Đ không biết đi đâu, anh Đ cũng không đi tìm, còn anh Đ vẫn sống tại nhà của anh Đ và chị B tại số nhà F, ấp T, xã T. Nay anh Đ còn tình cảm với chị B nên không thống nhất ly hôn với chị B.

Về con chung: Con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 28/12/1990, Lê Thành N, sinh ngày 01/9/1993 hiện nay đã thành niên đủ 18 tuổi, nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có thực hiện một phần nhưng vẫn chưa thực hiện đúng toàn bộ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị B với anh Lê Thành Đ. Về con chung: Chị B và anh Đ có con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 28/12/1990, Lê Thành N, sinh ngày 01/9/1993 hiện nay đã thành niên đủ 18

tuổi, không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Lê Thành Đ cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị B yêu cầu ly hôn với anh Lê Thành Đ; anh Đ không thống nhất ly hôn với chị B.

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Do đó, chị B và anh Đ chung sống với nhau từ tháng 7/1987 âm lịch mà đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Chị B xác định khi chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Đ quen biết người khác, chị B với anh Đ thường xuyên cự cãi với nhau, anh Đ có đánh chị B; từ ngày 19/02/2025 âm lịch, chị B về sinh sống với mẹ ruột chị B tại ấp B, xã T, huyện T và sống ly thân với anh Đ đến nay. Anh Đ xác định từ khi sống chung thì anh chị có chửi nhau; đầu năm 2025 do chị B ghen tuông vô cớ nên anh chị chửi nhau, anh Đ có đánh chị B; đầu tháng 4/2025 âm lịch, chị B bỏ đi nơi khác mà anh Đ không biết đi đâu, cũng không đi tìm. Hiện nay, anh Đ vẫn còn tình cảm với chị B nên anh Đ không đồng ý ly hôn với chị B.

Từ trình bày của chị B và anh Đ, cho thấy chị B và anh Đ hiện nay không sống chung và không còn quan tâm cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, do chị B và anh Đ không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 2

Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh Đ là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh Đ xác định anh chị có con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 28/12/1990, Lê Thành N, sinh ngày 01/9/1993. Chị B và anh Đ đều không có yêu cầu giải quyết về con chung do đã thành niên đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị B và anh Lê Thành Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Lê Thành Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị B với anh Lê Thành Đ.

2. Về con chung: Con chung tên Lê Thị Bích C, sinh ngày 28/12/1990, Lê Thành N, sinh ngày 01/9/1993, hiện nay đã thành niên đủ 18 tuổi, không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị B và anh Lê Thành Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải

quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005335 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị B đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Thành Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/6/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang